

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chung Thị Lâm S, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Hẻm A ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lý B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Hẻm A ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn bà Chung Thị Lâm S trình bày:

Bà Chung Thị Lâm S với ông Lý B kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 25/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh

phúc do bất đồng ý kiến. Đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân tới nay. Nay bà S yêu cầu ly hôn với ông Lý B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có con chung 02 con chung là Lý Hoài A, sinh ngày 08/7/2010 và Lý Thị Yến N, sinh ngày 15/11/2012, hiện nay 02 con đang sống với bà S. Khi ly hôn bà S yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lý B:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Lý B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 02 năm 2025, con chung Lý Hoài A, Lý Thị Yến N trình bày:* Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau các cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Chung Thị Lâm S.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà S được ly hôn với ông B. Về con chung: Đề nghị giao cho bà S được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Lý Hoài A, sinh ngày 08/7/2010 và Lý Thị Yến N, sinh ngày 15/11/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Chung Thị Lâm S và bị đơn ông Lý B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà S và ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thị Lâm S và ông Lý B có đăng ký kết hôn vào ngày ngày 25/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Chung Thị Lâm S và ông Lý B là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà S và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà S và ông B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay không hàn gắn được dẫn đến bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà S và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[3] Về con chung: Bà S và ông B có 02 con chung là Lý Hoài A, sinh ngày 08/7/2010 và Lý Thị Yên N, sinh ngày 15/11/2012. Xét thấy, hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà S, bà S cũng yêu cầu được quyền nuôi 02 con. Con chung Lý Hoài A và Lý Thị Yên N cũng có nguyện vọng được sống chung với bà S. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của con và nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của các con chung thì cần thiết giao 02 con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông B được quyền thăm nom 02 con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Chung Thị Lâm S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chung Thị Lâm S đối với bị đơn ông Lý B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thị Lâm S được ly hôn với ông Lý B.

2. Về con chung: Giao cho bà Chung Thị Lâm S được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Lý Hoài A, sinh ngày 08/7/2010 và Lý Thị Yên N, sinh ngày 15/11/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Lý B được quyền thăm nom các con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Chung Thị Lâm S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Chung Thị Lâm S và ông Lý B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Chung Thị Lâm S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Tòa án số 0008316 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Chung Thị Lâm S đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

8. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
 - Các đương sự;
 - TAND tỉnh Sóc Trăng;
 - Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
 - UBND xã D, huyện M
- (Theo GCNKH số 28 ngày 25/01/2010);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến